

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HC-ST

Ngày: 16-5-2022

V/v: Khiếu kiện hành vi
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Phan Ngọc Rỹ

Bà Phạm Thị Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Bà Nguyễn Thị Duyên
- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 11/2022/TLST-HC ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HC ngày 05/5/2021, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Phạm Thị S, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S: Bà Đặng Thị Thanh Đ, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thành U - Phó Chủ tịch;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Văn H - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B.

2. Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện: Ông Lê Văn L – Chủ tịch;

(Bà Đ, ông H có mặt; ông U, ông L có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có nội dung như sau:

Bà Phạm Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân huyện B, Ủy ban nhân dân xã T, huyện B thực hiện hành vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S đối với phần đất có diện tích khoảng 1.208m² thuộc thửa 1699, tờ bản đồ số 2 (thửa mới là 127, tờ bản đồ số 15) loại đất lúa, tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Lý do: Thửa đất 1699 (thửa mới 127) có diện tích khoảng 1.208m² tờ bản đồ số 15 loại đất lúa, tại ấp P, xã T có nguồn gốc là do mẹ bà S khai hoang sử dụng từ năm 1983, mẹ bà S và bà S cùng canh tác sử dụng cho đến năm 2002 thì mẹ bà S cho lại bà S sử dụng ổn định cho đến nay, không ai tranh chấp. Bà S có nộp hồ sơ xin cấp giấy đến Ủy ban nhân dân xã T để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 127, tờ bản đồ 15 nêu trên nhưng Ủy ban nhân dân xã T không đồng ý cấp với lý do phần đất trên là đất của hợp tác xã nên hồ sơ của bà S không đảm bảo điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từ đó Ủy ban nhân dân xã không trình Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S thể hiện tại Công văn số 401/CV-UBND ngày 17/7/2021. Ngày 05/11/2021 bà S tiếp tục gửi đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân huyện B nhưng vẫn không nhận được sự trả lời của Ủy ban nhân dân huyện B. Ngày 06/01/2022, bà S đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Tại Văn bản số 4850/UBND-TD ngày 16/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B có nội dung:

Ngày 16/6/2021, Ủy ban nhân dân xã T có báo cáo số 303/BC-UBND về việc quản lý đất công trên địa bàn xã (đất có nguồn gốc từ Hợp tác xã nông nghiệp cho người dân mượn) và đề nghị Ủy ban nhân dân huyện xem xét cho ý kiến được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho số hộ để ổn định tình hình quản lý đất đai ở địa phương.

Ủy ban nhân dân huyện đã có công văn phản hồi số 6721/UBND-VP ngày 22/9/2021 đến Ủy ban nhân dân xã T về việc xử lý các trường hợp cho mượn đất để sản xuất nông nghiệp. Giao Ủy ban nhân dân xã T chủ trì, phối hợp cùng Phòng Tài nguyên và Môi trường khẩn trương tiến hành lập hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những trường hợp đủ điều kiện theo quy định.

Tại công văn số 180/CV-UBND ngày 18/3/2022 và công văn số 267/CV-UBND ngày 13/4/2022 của ủy ban nhân dân xã T có nội dung như sau: Xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, trong vụ án này Ủy ban nhân dân xã T không có ý kiến hay yêu cầu gì, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định, trong xét xử đảm bảo cho các bên thực hiện đầy đủ quyền tranh tụng.

Về nội dung: Ngày 17/7/2021 Ủy ban nhân dân xã T trả lời bà S không đủ điều kiện cấp quyền sử dụng đất, nên bà S làm đơn khởi kiện vụ án hành chính là trong thời hiệu theo qui định tại Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính.

Nguồn gốc thửa đất 1699(cũ) thửa mới là 127 do gia đình bà S sử dụng ổn định lâu dài không ai tranh chấp, do đó căn cứ luật đất đai 2003, luật đất đai 2013 thì bà S thuộc diện đủ điều kiện để được cấp quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân huyện B không thực hiện hành vi cấp quyền sử dụng đất cho bà S là trái qui định của pháp luật đất đai, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà S. Do đó đơn khởi kiện của bà S là có căn cứ chấp nhận. Buộc Ủy ban nhân dân huyện B và Ủy ban nhân dân xã T thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp quyền sử dụng đất cho bà S đối với thửa đất 127, tờ bản đồ số 15.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị S yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B, Ủy ban nhân dân xã T, huyện B thực hiện hành vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S đối với phần đất có diện tích khoảng 1.208m² thuộc thửa 1699, tờ bản đồ số 2 (thửa mới là 127, tờ bản đồ số 15) loại đất lúa, tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Long An. Đây khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng Hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Bà S có nộp hồ sơ xin cấp giấy đến Ủy ban nhân dân xã T để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 127, tờ bản đồ 15 tại xã T nhưng Ủy ban nhân dân xã T không đồng ý cấp với lý do phần đất trên là đất của Hợp tác xã nên hồ sơ của bà S không đảm bảo điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ đó Ủy ban nhân dân xã T không trình Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S thể hiện tại Công văn số 401/CV-UBND ngày 17/7/2021. Ngày 05/11/2021 bà S tiếp tục gửi đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân huyện B nhưng vẫn không nhận được sự trả lời của Ủy ban nhân dân huyện B. Ngày 06/01/2022 bà S đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An, nên Tòa án thụ lý giải quyết là đúng qui định tại Điều 116 của Luật Tố tụng Hành chính.

[3] Về việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại: Tòa án đã có thông báo cho các đương sự nhưng người bị kiện có đơn xin vắng mặt, người khởi kiện có đơn yêu cầu không đối thoại nên Tòa án lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

và biên bản không tiến hành đối thoại được theo quy định của Điều 135, 137 Luật Tổ tụng Hành chính.

[4] Người đại diện của người bị kiện ông Lê Thành U, ông Lê Văn Lộc có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 158 Luật Tổ tụng Hành chính Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử vắng mặt ông U, ông L là phù hợp.

[5] Về hình thức và thẩm quyền ban hành quyết định:

Ủy ban nhân dân huyện B là cơ quan quản lý đất đai địa phương có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu theo quy định tại khoản 2 Điều 105 Luật đất đai. Ủy ban nhân dân xã T là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và thực hiện thủ tục xác nhận tình trạng đất theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai. Do đó, hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân huyện B là đúng cơ quan có thẩm quyền.

[6] Về nội dung của quyết định hành chính:

Việc Ủy ban nhân dân xã T xác định phần đất thuộc thửa 127 mà bà S xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đủ điều kiện được cấp giấy là không chính xác. Bởi lẽ, nguồn gốc thửa 127 được gia đình ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N (ba mẹ chồng của bà S) đưa vào Hợp tác xã để thực hiện các chính sách đất đai của nhà nước. Năm 1988, khi Hợp tác xã P giải thể thì gia đình bà S mà cụ thể là bà Nguyễn Thị N (ông T là liệt sỹ) canh tác đến năm 2002, bà Nhân chết nên vợ chồng Nguyễn Ngọc Sứ, bà Phạm Thị S tiếp tục canh tác, năm 2008 ông Sứ chết, bà S tiếp tục canh tác và kê khai đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà S kê khai đăng ký cấp giấy là thực hiện quyền của người sử dụng đất được quy định tại Điều 166 Luật đất đai. Ủy ban nhân dân xã T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện B xác định gia đình bà S sử dụng ổn định, lâu dài và không tranh chấp hoàn toàn đủ điều kiện được quy định tại Điều 101 Luật đất đai và Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, việc Ủy ban nhân dân xã T không đề nghị Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị S và Ủy ban nhân dân huyện B không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị S là trái quy định pháp luật.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị S là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc Ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân huyện B phải thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 127, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.208m² cho bà Phạm Thị S theo quy định tại Điều 166 và Điều 101 và Điều 105 Luật Đất đai năm 2013 là có căn cứ như đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tại phiên tòa.

[7] Về chi phí tố tụng và án phí:

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Bà S đã nộp và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này nên ghi nhận là phù hợp theo Khoản 1 Điều 357, 358 Luật Tổ tụng Hành chính.

Về án phí: Bà Phạm Thị S không phải chịu án phí. Ủy ban nhân dân huyện B, Ủy ban nhân dân xã T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của

Điều 348 Luật Tổ tụng Hành chính và Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 193; Điều 348, Điều 357, Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Áp dụng Điều 166 và Điều 101 và Điều 105 Luật Đất đai năm 2013;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị S.

Buộc Ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân huyện B phải thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 127, tờ bản đồ số 15, tại Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Long An cho bà Phạm Thị S.

2. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị S chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, bà S đã nộp xong.

3. Về án phí:

Bà Phạm Thị S không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An; Ủy ban nhân dân xã T mỗi cơ quan phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Ngọc Rỹ- Phạm Thị Lập

Lương Minh Trí

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Minh Trí